

Số: 1684/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 622 /TTr-TNMT ngày 22 / 9 /2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Sùng A Năng – Cư trú tại: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Năng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 51.893.870 đồng.

*(Bằng chữ: Năm mươi một triệu tám trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi đồng)*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:







- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

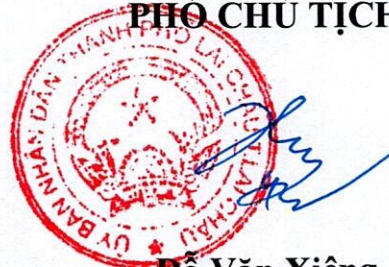
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Sùng A Năng có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

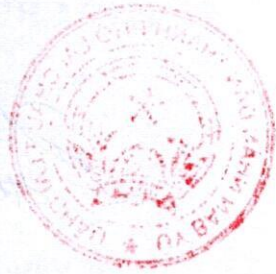
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**







**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 2)**

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc  
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

Kèm theo Quyết định số: 1684 QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
<b>1</b>	<b>Hộ ông Sùng A Năng (hiện trạng bà Bùi Thị Hồng Hoa đang sử dụng)</b>					
	Địa chỉ: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, Huyện Tam Đường					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+bc)					<b>51.893.870</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>					<b>745.500</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	21,3			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	21,3	35.000	745.500	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC468295 do UBND TXLC (nay là TPLC) cấp ngày 11/7/2013. Toàn bộ diện tích đất thu hồi sử dụng ổn định, không tranh chấp.					
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>					<b>49.233.470</b>
	<i>Toàn bộ tài sản trên đất của ông Sùng A Năng do bà Bùi Thị Hồng Hoa tạo lập năm 2015 (bà Hoa nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Sùng A Năng sau thời điểm ngày 1/1/2008, không có giấy tờ chuyển nhượng theo quy định pháp luật, không đủ điều kiện quy chủ, bồi thường); Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính; Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất; tài sản sử dụng ổn định, đúng mục đích sử dụng, không tranh chấp.</i>					
	<b>Phần tài sản nằm trên đất thu hồi</b>					
1	Tường xây gạch bi tường 18 cm (42*2,5)	m <sup>2</sup>	105,0	149.600	15.708.000	
2	Trát VXM không đánh màu (42*2,2)*2	m <sup>2</sup>	184,8	27.500	5.082.000	
3	Lu sơn tường các loại (42*2,2)*2	m <sup>2</sup>	184,8	24.200	4.472.160	
4	Dây thép gai 42*5 dây	m <sup>2</sup>	210	5.000	1.050.000	
5	Thép chữ V dày 2,5 ly	m	15,0	16.400	246.000	
6	Sân BT đá dăm dày 20 cm (2*5)	m <sup>2</sup>	10,0	167.200	1.672.000	
7	Trụ công xây gạch bi (0,5*0,5*4)*2	m <sup>3</sup>	2,0	546.700	1.093.400	
8	Công sắt (4*3,5)	m <sup>2</sup>	14,0	825.000	11.550.000	
9	Lu sơn tường các loại (0,5*4)*2	m <sup>2</sup>	4,0	24.200	96.800	
	<b>Phần tài sản nằm trên đất đã thu hồi</b>					
1	Sân BT đá dăm dày 20 cm (3*5)	m <sup>2</sup>	15,0	167.200	2.508.000	
2	Tấm đan BTCT (5*1*0,1)	m <sup>2</sup>	0,5	1.393.700	696.850	
3	Tấm đan BTCT (1,5*6*0,2)	m <sup>2</sup>	1,8	1.393.700	2.508.660	
	<b>Phần tài sản bị ảnh hưởng không sử dụng được</b>					
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1*5)	m <sup>2</sup>	5,0	83.600	418.000	
2	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,5*2)	m <sup>2</sup>	5,0	127.600	638.000	
3	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	4,0	48.400	193.600	
4	Thép hộp 4,4 dày 2 ly	m	25,0	52.000	1.300.000	







TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<i>c</i>	<i>Về cây cối hoa màu</i>				<b>1.914.900</b>
	<i>Cây cối nằm trên diện tích đất đã thu hồi</i>				
1	Cây táo mèo bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	1,0	360.000	360.000
2	Cây Khế bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	192.000	192.000
3	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
4	Cây xoài bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	1,0	360.000	360.000
5	Cây mắc ca trồng năm thứ 2	Cây	1,0	162.900	162.900
6	Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài cho thu hoạch	m	10,0	48.000	480.000





